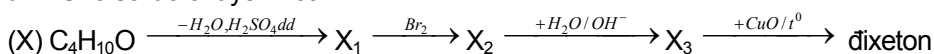


PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Đun 12,00 gam axit axetic với 13,80 gam ancol etylic (có axit H_2SO_4 đặc làm xúc tác). Đến khi phản ứng dừng lại thu được 11,00 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hoá là :

- A. 60,0%. B. 62,5%. C. 75,0%. D. 41,67%.

Câu 2: Cho sơ đồ chuyển hoá :



Công thức cấu tạo của X có thể là:

- A. $CH_3CH(CH_3)CH_2OH$ B. $CH_3C(CH_3)_2OH$ C. $CH_3CH(OH)CH_2CH_3$ D. $CH_2(OH)CH_2CH_2CH_3$

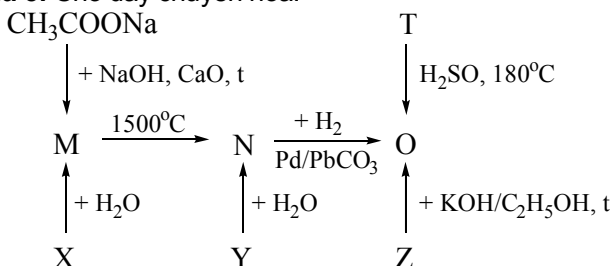
Câu 3: Lấy 12 gam hỗn hợp 2 muối sunfat của kim loại kiềm M và kim loại kiềm thổ N (M, N thuộc 2 chu kì liên tiếp nhau) tác dụng với dung dịch $BaCl_2$ dư thu được 23,3 gam kết tủa. M có thể là?

- A. Li hoặc Na. B. K. C. Na hoặc K. D. Na.

Câu 4: Hấp thụ hoàn toàn V lít CO_2 (đktc) vào 400ml dung dịch NaOH a M thì thu được dung dịch X. Cho từ từ và khuấy đều 150ml dung dịch HCl 1M vào X thu được dung dịch Y và 2,24 lít khí (đktc). Cho Y tác dụng với $Ca(OH)_2$ dư xuất hiện 15 gam kết tủa. Xác định a?

- A. 1M. B. 1,5M. C. 0,75M. D. 2M.

Câu 5: Cho dãy chuyển hóa:



Phát biểu nào sau đây là đúng ?

- A. X là CaC_2 B. Y là CH_3CH_2OH
C. Z là CH_3CH_2Cl D. T là Al_4C_3

Câu 6: Đốt cháy hoàn toàn 13,4 gam hợp chất hữu cơ X bằng không khí vừa đủ (chứa 80% N_2 và 20% O_2 về thể tích), thu được 22 gam CO_2 , 12,6 gam H_2O và 69,44 lít N_2 (đktc). Xác định CTPT của X biết CTPT trùng với CTĐGN.

- A. A. $C_5H_{14}N_2$ B. $C_5H_{14}O_2N$ C. $C_5H_{14}ON_2$ D. $C_5H_{14}O_2N_2$

Câu 7: Hỗn hợp X gồm 2 axit no X_1 và X_2 . Đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol X thu được 11,2 lít khí CO_2 (đktc). Để trung hòa 0,3 mol X cần 500 ml dung dịch NaOH 1M. Công thức cấu tạo của 2 axit là:

- A. $HCOOH$ và $HOOC-COOH$ B. CH_3COOH và C_2H_5COOH
C. CH_3COOH và $HOOCCH_2COOH$ D. $HCOOH$ và C^2H_5COOH

Câu 8: Lấy 1 mẫu Al dư cho vào dung dịch NaOH và $NaNO_3$ có nồng độ bằng nhau, khi phản ứng hoàn toàn thì thu được dung dịch X và hỗn hợp khí gồm H_2 và NH_3 . Trong X chứa những ion nào?

- A. Na^+ , Al^{3+} , NO_3^- B. Na^+ , AlO_2^- , OH^- C. Na^+ , AlO_2^- , NO_3^- D. Na^+ , Al^{3+} , NH_4^+

Câu 9: Lấy m gam K cho tác dụng với 500ml dung dịch HNO_3 thu được dung dịch M và thoát ra 0,336 lít hỗn hợp N (đktc) gồm 2 khí X và Y. Cho thêm vào M dung dịch KOH dư thì thấy thoát ra 0,224 lít khí Y. Biết rằng quá trình khử HNO_3 chỉ tạo một sản phẩm duy nhất. Xác định m?

- A. 3,12 gam. B. 7,8 gam. C. 12,48 gam. D. 6,63 gam.

Câu 10: Cho 1,52g hỗn hợp hai amin đơn chức no X, Y (được trộn với số mol bằng nhau) tác dụng vừa đủ với 200ml dung dịch HCl, thu được 2,98g muối. Kết luận nào sau đây **không** chính xác?

- A. Tên gọi 2 amin là đimetylamin và etylamin B. Nồng độ dung dịch HCl bằng 0,2 (M).
C. Số mol mỗi chất là 0,02 mol D. Công thức của amin là CH_5N và C_2H_7N

Câu 11: Cho 1,76 gam một este của axit cacboxylic no, đơn chức và một rượu no đơn chức phản ứng vừa hết với 40ml dung dịch NaOH 0,50M thu được chất X và chất Y. Đốt cháy hoàn toàn 1,20 gam chất Y cho 2,64gam CO_2 và 1,44 gam nước. Công thức cấu tạo của este là :

- A. $CH_3CH_2COOCH_3$ B. $CH_3COO-CH_3$ C. $HCOOCH_2CH_2CH_3$ D. $CH_3COOCH_2CH_2CH_3$

Câu 12: Khi vật bằng gang, thép bị ăn mòn điện hoá trong không khí ẩm, nhận định nào sau đây đúng?

- A. Tinh thể cacbon là catot, xảy ra quá trình oxi hoá. B. Tinh thể sắt là anot, xảy ra quá trình oxi hoá.
C. Tinh thể cacbon là anot, xảy ra quá trình oxi hoá. D. Tinh thể sắt là anot, xảy ra quá trình khử.

Câu 13: Cho Cu (dư) tác dụng với dung dịch $Fe(NO_3)_3$ được dung dịch X. Cho $AgNO_3$ dư tác dụng với X được dung dịch Y. Cho Fe (dư) tác dụng với Y được hỗn hợp kim loại Z. Số phương trình phản ứng xảy ra là?

- A. 5. B. 6. C. 4. D. 7.

Câu 14: Cần trộn dung dịch X chứa HCl 0,1M và H₂SO₄ 0,1M với dung dịch Y chứa NaOH 0,3M và Ba(OH)₂ 0,1M theo tỷ lệ thể tích như thế nào để thu được dung dịch có pH = 13.

- A. $V_A/V_B = 1/3$. B. $V_A/V_B = 1/2$. C. $V_A/V_B = 2/1$. D. $V_A/V_B = 1/1$.

Câu 15: Cho dung dịch NaOH dư vào 100 ml dung dịch X chứa đồng thời Ba(HCO₃)₂ 0,5M và BaCl₂ 0,4M thì thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là?

- A. 9,85. B. 19,7. C. 14,775. D. 17,73.

Câu 16: Hỗn hợp X gồm một số hidrocarbon là đồng đẳng kế tiếp có tổng khối lượng phân tử là 252, trong đó khối lượng phân tử của hidrocarbon nặng nhất có khối lượng phân tử nặng gấp 2 lần khối lượng phân tử của hidrocarbon nhẹ nhất. Công thức phân tử của hidrocarbon nhẹ nhất trong X là

- A. C₂H₂. B. C₃H₈. C. C₂H₆. D. C₃H₆.

Câu 17: Khi tăng áp suất chung của hệ phản ứng, cân bằng nào sau đây không thay đổi?

- A. $2CO_{(k)} + O_{2(k)} \rightleftharpoons 2CO_{2(k)}$ B. $H_{2(k)} + I_{2(k)} \rightleftharpoons 2HI_{(k)}$
C. $N_{2(k)} + 3H_{2(k)} \rightleftharpoons 2NH_{3(k)}$ D. $2SO_{2(k)} + O_{2(k)} \rightleftharpoons 2SO_{3(k)}$

Câu 18: Các chất hữu cơ đơn chức Z₁, Z₂, Z₃ có CTPT tương ứng là CH₂O, CH₂O₂, C₂H₄O₂. Chúng thuộc các dãy đồng đẳng khác nhau. Công thức cấu tạo của Z₃ là

- A. HCOOCH₃ B. CH₃-O-CHO C. HO-CH₂-CHO D. CH₃COOCH₃

Câu 19: Cho một hỗn hợp X chứa NH₃, C₆H₅NH₂ và C₆H₅OH. X được trung hoà bởi 0,02 mol NaOH hoặc 0,01 mol HCl. X cũng phản ứng vừa đủ với 0,075 mol Br₂ tạo kết tủa. Lượng các chất NH₃, C₆H₅NH₂ và C₆H₅OH lần lượt bằng

- A. 0,005 mol ; 0,02 mol và 0,005 mol B. 0,01mol ; 0,005 mol và 0,02 mol
C. 0,01 mol ; 0,005 mol và 0,02 mol D. 0,005mol ; 0,005 mol và 0,02 mol

Câu 20: Cho 2,5 (kg) glucosơ chứa 20% tạp chất lên men thành rượu etylic. Trong quá trình chế biến rượu bị hao hụt mất 10%. Khối lượng rượu thu được là

- A. 920 (g) B. 92,5 (g) C. 925 (g) D. 92 (g)

Câu 21: Chiều tăng dần tính bazơ của dãy chất sau C₆H₅OH, C₆H₅NH₂, NH₂CH₃, NaOH là:

- A. C₆H₅NH₂, C₆H₅OH, NH₂CH₃, NaOH B. NH₂CH₃, C₆H₅OH, C₆H₅NH₂, NaOH
C. C₆H₅OH, NH₂CH₃, C₆H₅NH₂, NaOH D. C₆H₅OH, C₆H₅NH₂, NH₂CH₃, NaOH

Câu 22: Polime nào dưới đây có cùng cấu trúc mạch polime với nhựa bakelit?

- A. xenlulozơ B. amilozơ C. cao su lưu hóa D. Glicogen

Câu 23: Dung dịch chứa các ion Na⁺, Ca²⁺, Mg²⁺, Ba²⁺, H⁺, Cl⁻. Phải dùng dung dịch chất nào sau đây để loại bỏ hết các ion Ca²⁺, Mg²⁺, Ba²⁺, H⁺ ra khỏi dung dịch ban đầu?

- A. Na₂SO₄. B. K₂CO₃. C. NaOH. D. AgNO₃.

Câu 24: Cho các chất: Na₂SO₃, CaSO₃, Na₂S, Fe(HCO₃)₂, NaHSO₃, FeS. Có bao nhiêu chất khi tác dụng với H₂SO₄ đặc nóng có thể tạo khí SO₂?

- A. 4. B. 6. C. 3. D. 5.

Câu 25: Một nguyên tử X có tổng số hạt là 76. Trong X, số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 20. Ở trạng thái cơ bản, X có số electron độc thân là?

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 26: Cho các nguyên tử sau: ¹³X, ¹⁹Y và ²⁰Z. Sự sắp xếp đúng với tính bazơ giảm dần của các hidroxit là?

- A. X(OH)₃ > Z(OH)₂ > YOH. B. YOH > Z(OH)₂ > X(OH)₃.
C. Z(OH)₂ > X(OH)₃ > Y(OH)₂. D. Z(OH)₂ > YOH > X(OH)₃.

Câu 27: Từ toluen và các chất phản ứng trong mỗi thí nghiệm là HNO₃/H₂SO₄ (1); Br₂/Fe, t^o (2); KMnO₄/H₂SO₄ (3), người ta có thể điều chế được axit 2-brom-4-nitrobenzoic. Thứ tự tiến hành các phản ứng là

- A. (1), (2), (3). B. (3), (1), (2). C. (3), (2), (1). D. (2), (1), (3).

Câu 28: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm 0,11 mol Al và 0,15 mol Cu vào dung dịch HNO₃ thì thu được 1,568 lít (đktc) hỗn hợp Y gồm 2 khí (trong đó có 1 khí không màu hóa nâu ngoài không khí) và dung dịch Z chứa 2 muối. Xác định số mol HNO₃ đã tham gia phản ứng

- A. 0,63 mol. B. 0,7 mol. C. 0,77 mol. D. 0,76 mol.

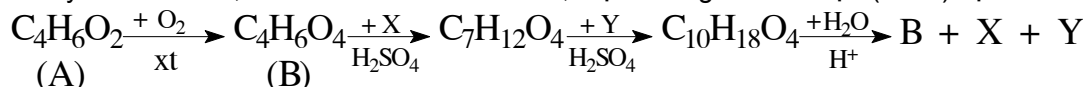
Câu 29: Dãy các kim loại điều chế được bằng phương pháp thủy luyện là?

- A. Ag, Ba, Ca, Zn B. Ag, Cu, Fe, Ni C. Ag, Al, Cu, Ba D. Ba, Ca, Na, Mg

Câu 30: Cho 0,2 mol Zn vào dung dịch X gồm: 0,2 mol Fe(NO₃)₃, 0,1mol Cu(NO₃)₂, 0,1 mol AgNO₃. Khối lượng chất rắn thu được sau khi phản ứng kết thúc là

- A. 14 gam. B. 16,4 gam. C. 10,8 gam. D. 17,2 gam.

Câu 31: Cho dãy biến hoá sau, biết A là 1 andêhit đa chức, mạch thẳng và Y là rượu (ancol) bậc 2:



Tên gọi của X là

- A. propenol. B. propinol. C. propan-2-ol. D. propan-1-ol.

Câu 32: Đem đốt cháy 0,1mol hai rượu no đơn chức, là đồng đẳng liên tiếp. Dẫn toàn bộ sản phẩm qua 1,0lit dung dịch Ba(OH)₂ 0,3M thu được 53,19gam kết tủa trắng và dung dịch X. Biết X có khả năng làm phenolphthalein chuyển màu. Vậy hai rượu trên có số nguyên tử cacbon là:

- A. 4 và 5 B. 2 và 3 C. 1 và 2 D. 3 và 4

Câu 33: Điện phân có màng ngăn dung dịch NaCl (dung dịch X) thì thu được dung dịch X'. Điện phân có màng ngăn dung dịch Na₂SO₄ (dung dịch Y) thì thu được dung dịch Y'. Kết luận nào sau đây đúng?

- A. pH(X) > pH(X') và pH(Y) > pH(Y'). B. pH(X) > pH(X') và pH(Y) = pH(Y').
C. pH(X) < pH(X') và pH(Y) = pH(Y'). D. pH(X) < pH(X') và pH(Y) < pH(Y').

Câu 34: Lấy 19,2 gam Cu và m gam Fe(NO₃)₂ cho vào 2 lít dung dịch H₂SO₄ loãng aM khuấy đều thấy tạo ra sản phẩm khử NO duy nhất và dung dịch X chỉ chứa 2 muối. Xác định m và a?

- A. 18 gam và 0,2 M. B. 18 gam và 0,2M hoặc 21,6 gam và 0,24M.
C. 21,6 gam và 0,24M. D. 18 gam và 0,24M hoặc 27 gam và 0,28M.

Câu 35: Cho hai muối X, Y thỏa mãn điều kiện sau:

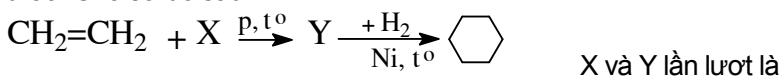
X + Y → không xảy ra phản ứng. X + Cu → không xảy ra phản ứng.

Y + Cu → không xảy ra phản ứng. X + Y + Cu → xảy ra phản ứng.

X và Y là muối nào dưới đây?

- A. Mg(NO₃)₂ và KNO₃. B. NaNO₃ và NaHSO₄. C. Fe(NO₃)₃ và NaHSO₄. D. NaNO₃ và NaHCO₃.

Câu 36: Cho sơ đồ sau:



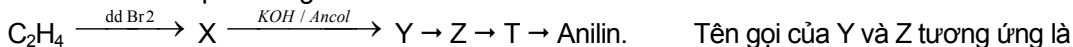
X và Y lần lượt là

- A. etilen và xiclohexen. B. axetilen và xiclohexin.
C. buta-1,3-đien và xiclohexen. D. buta-1,3-đien và xiclohexin.

Câu 37: Dãy sắp xếp các dung dịch loãng có cùng nồng độ mol/lít theo thứ tự pH tăng dần là?

- A. KHSO₄, HF, H₂SO₄, Na₂CO₃. B. H₂SO₄, HF, KHSO₄, Na₂CO₃.
C. H₂SO₄, KHSO₄, HF, Na₂CO₃. D. HF, H₂SO₄, Na₂CO₃, KHSO₄.

Câu 38: Cho sơ đồ phản ứng sau:



Tên gọi của Y và Z tương ứng là

- A. axetilen và benzen. B. etylenglycol và nitrobenzen.
C. etylenglycol và axetilen. D. benzen và nitrobenzen.

Câu 39: Nhóm chất chỉ có tính oxi hoá là

- A. CO₂; CuO; O₂. B. Fe₂O₃; HNO₃; SO₂. C. S, Fe₂(SO₄)₃, SO₂. D. CuSO₄; HNO₃; HCl.

Câu 40: Dung dịch chứa 12,2 gam chất đồng đẳng của phenol đơn chức tác dụng với nước brom (dư) thu được 35,9gam hợp chất chứa ba nguyên tử brom trong phân tử. Giả thiết phản ứng hoàn toàn, công thức phân tử chất đồng đẳng là :

- A. (CH₃)₂C₆H₃-OH. B. CH₃-C₆H₄-OH. C. C₆H₅-CH₂-OH. D. C₃H₇-C₆H₄-OH.

PHẦN RIÊNG: Học sinh chọn một trong 2 phần sau

Phần I. Theo chương trình chuẩn (từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Cho hỗn hợp gồm các kim loại M, X vào dung dịch chứa Cu(NO₃)₂ khuấy đều cho các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được kết tủa gồm 2 kim loại là M, Cu và dung dịch chứa 2 muối M(NO₃)₂ và X(NO₃)₂. Thứ tự sắp xếp theo chiều tăng dần tính khử của các kim loại là

- A. X, Cu, M. B. Cu, X, M. C. Cu, M, X. D. M, Cu, X.

Câu 42: Khi bảo quản dung dịch FeSO₄ trong phòng thí nghiệm, người ta ngâm vào dung dịch đó một đinh sắt sạch để?

- A. Fe khử muối sắt (III) thành muối sắt (II). B. Fe tác dụng với các tạp chất trong dung dịch.
C. Fe tác dụng hết khí O₂ hòa tan trong dung dịch muối. D. Fe tác dụng với dung dịch H₂S trong không khí.

Câu 43: Cho hỗn hợp gồm 0,1 mol HCOOH và 0,2 mol HCHO tác dụng hết với dung dịch AgNO₃ trong NH₃ thì khối lượng Ag thu được là bao nhiêu?

- A. 64,8 gam B. 10,8 gam C. 216 gam D. 108 gam

Câu 44: Cho 10,4 gam hỗn hợp Mg, Co, Al vào cốc đựng 600 ml dung dịch HCl 1M (vừa đủ). Sau khi phản ứng kết thúc, thêm dần dung dịch NaOH vào cốc để kết tủa lớn nhất. Lọc kết tủa và nung nóng ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi được m gam chất rắn. Giá trị của m là?

- A. 15,2. B. 13,2. C. 20,6. D. 18,1.

Câu 45: Trong bình kín chứa 0,5 mol CO và m gam Fe₃O₄. Đun nóng bình cho tới khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thấy khí trong bình có tỉ khối so với khí CO lúc đầu là 1,457. Giá trị của m là?

- A. 21,5. B. 23,2. C. 16,8. D. 22,8.

Câu 46: Cho α-amino axit mạch thẳng X có công thức H₂NR(COOH)₂ phản ứng vừa đủ với 0,1 mol NaOH tạo 9,55 gam muối. X là:

- A. axit 2-aminobutanđioic B. axit 2-aminopropanđioic

C. axit 2-aminohexandioic

D. axit 2-aminopentandioic

Câu 47: Khi điện phân dung dịch hỗn hợp $MgCl_2$, $FeCl_3$, $CuCl_2$ thì thứ tự bị khử tại catốt là?

A. Fe^{3+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Mg^{2+}

B. Cu^{2+} , Fe^{3+} , Mg^{2+} , H_2O

C. Fe^{3+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , H_2O

D. Fe^{3+} , Cu^{2+} , Mg^{2+} , H_2O

Câu 48: Một cacbohidrat (Z) có các phản ứng diễn ra theo sơ đồ chuyển hóa sau:

$Z \xrightarrow{Cu(OH)_2/NaOH} \text{dung dịch xanh lam} \xrightarrow{t^0} \text{kết tủa đỏ gạch.}$ Vậy Z **không thể** là

A. Fructozơ.

B. Glucozơ.

C. Saccarozơ.

D. mantozơ

Câu 49: Thủy phân este E có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ (có mặt H_2SO_4 loãng) thu được hai sản phẩm hữu cơ X, Y (chỉ chứa các nguyên tố C, H, O). Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y bằng một phản ứng duy nhất. Tên gọi của X là

A. etyl axetat

B. ancol etylic.

C. axit fomic.

D. axit axetic.

Câu 50: Khi chuẩn độ 25,0g huyết tương máu của một người lái xe có uống rượu, cần dùng 20 ml dung dịch $K^2Cr^{2}O^7$ 0,010M. Xác định % về khối lượng C^2H^5OH có trong máu của người lái xe đó. Cho biết phương trình phản ứng là: $C^2H^5OH + K^2Cr^{2}O^7 + H^2SO^4 \rightarrow CH^3COOH + K^2SO^4 + Cr^2(SO^4)^3 + H^2O$.

A. 0,0552%

B. 0,046%

C. 0,092%

D. 0,138%

Phần II. Theo chương trình nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Tiến hành chuẩn độ 100ml dung dịch HCl 0,100M bằng dung dịch NaOH 0,100M. Khi thêm 99,9ml và 100,1ml dung dịch NaOH vào dung dịch HCl thì độ chênh lệch giá trị pH tại 2 thời điểm cuối là

A. 2,0

B. 5,4

C. 4,3

D. 9,7

Câu 52: Cho các dãy chuyển hóa:

Glixin $\xrightarrow{+NaOH}$ A $\xrightarrow{+HCl}$ X

Glixin $\xrightarrow{+HCl}$ B $\xrightarrow{+NaOH}$ Y

X và Y lần lượt là:

A. đều là ClH_3NCH_2COONa

B. ClH_3NCH_2COOH và ClH_3NCH_2COONa

C. ClH_3NCH_2COONa và H_2NCH_2COONa

D. ClH_3NCH_2COOH và H_2NCH_2COONa

Câu 53: Để phân biệt glucozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ, có thể dùng các chất nào?

A. Dung dịch $AgNO_3/NH_3$, dd I_2 .

B. Dung dịch $AgNO_3/NH_3$, H_2O , dd I_2 .

C. H_2O , dd I_2 , giấy quỳ.

D. Dung dịch $AgNO_3/NH_3$, H_2O .

Câu 54: Pin điện hoá M-X có suất điện động chuẩn là E^0_1 ; Pin điện hoá Cu-X có suất điện động chuẩn là 1,10V; Pin điện hoá M-Cu có suất điện động chuẩn là 0,46V. Vậy giá trị của E^0_1 là?

A. 1,56V.

B. 0,18V.

C. 0,64V.

D. 0,78V.

Câu 55: Cho m gam hỗn hợp X gồm 2 ancol no, đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng với CuO (dư) nung nóng, thu được một hỗn hợp rắn Z và một hỗn hợp hơi Y (có tỉ khối hơi so với H_2 là 13,75). Cho toàn bộ Y phản ứng với một lượng dư Ag_2O/NH_3 , t^0C , sinh ra 64,8 gam Ag. Giá trị của m là:

A. 8,8

B. 9,2

C. 7,4

D. 7,8

Câu 56: Cho 0,13 mol hỗn hợp X gồm CH^3OH , $HCOOH$, $HCOOCH^3$ tác dụng vừa đủ với 0,05 mol NaOH đun nóng. Oxi hóa rượu sinh ra thành andehit, cho lượng andehit này tác dụng hết với Ag_2O/NH_3 (dư) được 0,4 mol Ag. Số mol của $HCOOCH_3$ là:

A. 0,02

B. 0,05

C. 0,04

D. 0,08

Câu 57: Đun hai rượu đơn chức với H_2SO_4 đặc 140^0C được hỗn hợp 3 ete. Lấy 0,72(g) một trong ba ete đem đốt cháy hoàn toàn thu được 1,76(g) CO_2 và 0,72(g) H_2O . Hai rượu đó là ?

A. CH_3OH và C_2H_5OH

B. CH_3OH và C_3H_7OH

C. C_2H_5OH và C_4H_9OH

D. C_2H_5OH và C_3H_7OH

Câu 58: Để mạ một lớp bạc lên bề mặt một vật bằng đồng người ta làm thế nào?

A. Điện phân dung dịch muối đồng và vật cần mạ đóng vai trò cực âm

B. Điện phân dung dịch muối đồng và vật cần mạ đóng vai trò cực dương

C. Điện phân dung dịch muối bạc và vật cần mạ đóng vai trò cực âm

D. Điện phân dung dịch muối bạc và vật cần mạ đóng vai trò cực dương

Câu 59: Hỗn hợp X gồm: Fe_2O_3 , Cr_2O_3 , Al_2O_3 . Cho 20,7 gam X vào dung dịch NaOH đặc (dư), sau khi kết thúc phản ứng thu được 8 gam chất rắn. Mặt khác để khử hoàn toàn 20,7 gam X cần 5,4 gam Al. Khối lượng Cr_2O_3 trong 20,7 gam X là?

A. 11,4 gam.

B. 15,2 gam.

C. 7,6 gam.

D. 2,28 gam.

Câu 60: Ở t^0C tốc độ phản ứng hóa học là V. Để tốc độ phản ứng trên là 16V thì nhiệt độ cần thiết là (biết rằng cứ tăng nhiệt độ lên 10^0C thì tốc độ phản ứng tăng lên 2 lần)

A. $(t + 100)^0C$.

B. $(t + 200)^0C$.

C. $(t + 20)^0C$.

D. $(t + 40)^0C$.

(Cho $K=39$; $O=16$; $H=1$; $N=14$; $Al=27$; $Cu=64$; $C=12$; $Fe=56$; $Na=23$; $Cl=35,5$; $Cr=52$; $Zn=65$;
 $Ag=108$; $S=32$; $Ba=137$; $Co=59$)

--- Hết ---

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 132 – THI THỬ ĐH MÔN HÓA

Câu	Mã 132
1	B
2	C
3	D
4	C
5	C
6	D
7	A
8	C
9	D
10	A
11	C
12	B
13	A
14	D
15	D
16	D
17	B
18	A
19	D
20	A
21	D
22	C
23	B
24	B
25	D
26	B
27	A
28	D
29	B
30	A

Câu	Mã 132
31	D
32	B
33	C
34	B
35	B
36	C
37	C
38	A
39	A
40	A
41	C
42	A
43	D
44	A
45	B
46	D
47	C
48	C
49	B
50	A
51	B
52	D
53	B
54	A
55	D
56	A
57	B
58	C
59	C
60	D